

Số: 06 /NQ-HĐND

Thuận Nam, ngày 22 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện giai đoạn 2023 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM  
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật dân quân tự vệ ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật dân quân tự vệ và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định một số điều của Luật dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Luật dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện và bảo đảm chế độ chính sách cho DQTV trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Xét tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 11/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn huyện giai đoạn 2023 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn huyện giai đoạn 2023 - 2025. (Kèm theo)

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao UBND huyện căn cứ vào khả năng ngân sách của địa phương và hỗ trợ của UBND tỉnh, hàng năm huyện quyết định phân bổ nguồn kinh phí thực hiện phù hợp, theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thuận Nam khóa IV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa IV;
- Các Phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Đài truyền thanh huyện;
- HĐND, UBND 8 xã;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH****Ngô Văn Sậy**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thuận Nam, ngày 22 tháng 7 năm 2022

## **ĐỀ ÁN**

**Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách  
cho Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện, giai đoạn 2023- 2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND ngày 22/7/2022  
của HĐND huyện Thuận Nam)

### **Phần 1**

## **SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ đây là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta về đường lối quốc phòng, quân sự, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và của cả hệ thống chính trị, Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cơ sở; tham gia phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và bảo đảm cho thế trận phòng thủ của huyện. Để lực lượng Dân quân tự vệ đi vào hoạt động nền nếp, có chất lượng, hiệu quả cao sẽ góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở địa phương và tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

- Thực hiện Đề án “Tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020”, cơ bản đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, nâng cao được chất lượng chính trị, huấn luyện và hiệu quả hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; kết quả huấn luyện năm sau cao hơn năm trước; các hoạt động phối hợp về bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn rất hiệu quả, được các cấp ủy Đảng, chính quyền và Nhân dân tin tưởng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc như: Việc tổ chức đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ có mặt chưa theo yêu cầu; tuyển chọn đầu vào lực lượng Dân quân tự vệ đa số có trình độ học vấn thấp; nguồn đào tạo cán bộ Dân quân tự vệ chưa được quy hoạch cụ thể; chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ còn thấp, nhất là đối với Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

- Mặt khác hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã có thay đổi: Luật Dân quân tự vệ năm 2009 đã được thay thế bằng Luật Dân quân tự vệ năm 2019. Các nghị định, thông tư mới đã được ban hành như: Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ, Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ, Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch về Dân quân tự vệ, Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ, Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trang bị, đăng ký, quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang bị, phương tiện kỹ thuật của Dân quân tự vệ và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, làm cơ sở cho địa phương tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm, chế độ chính sách cho Dân quân tự vệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương của huyện.

Vì vậy việc Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện Thuận Nam giai đoạn 2023 - 2025, trình Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt là cần thiết.

## **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Quốc phòng ngày 08 tháng 6 năm 2018;
- Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ;
- Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trang bị, đăng ký, quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang bị, phương tiện kỹ thuật của DQTV;

- Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ;

- Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh được ban hành.

## 2. Căn cứ thực tiễn

Tổ chức đơn vị hành chính trên địa bàn huyện có 08 xã; trong đó: 01 xã hưởng chế độ chính sách 30a của Thủ tướng Chính phủ; 4/8 xã trọng điểm quốc phòng; 01 xã an toàn khu; 37 thôn.

Trong huyện, tình hình chính trị-xã hội ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên... Song, sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn còn thấp, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường. Nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng rất lớn, nhưng nguồn lực của huyện còn hạn hẹp, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển của huyện, trong đó có diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19. Đây mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội; du lịch, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác xây dựng lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh, chủ động xử lý các tình huống, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; giữ vững quốc phòng, an ninh; gắn kết phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Giai đoạn 2017 – 2022 tổ chức lực lượng, huấn luyện hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách cho dân quân tự vệ có những tồn tại như sau:

- Về tổ chức, biên chế cán bộ DQTV: Do mức khoán kinh phí cho người không chuyên trách thấp nên một số địa phương biên chế còn thiếu số lượng Phó Chỉ huy trưởng đối với cấp xã trọng điểm về quốc phòng (*Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định biên chế 02 đ/c, hiện nay mới biên chế được 2/4 xã, đạt 50%*).

- Về chế độ, chính sách DQTV

+ Ngân sách thực hiện theo Đề án bảo đảm chế độ, chính sách DQTV của địa phương chi theo từng năm chưa đủ, một số chế độ, chính sách của DQTV mới được thực hiện từ năm 2019 đến nay như: chế độ phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù quân sự, quốc phòng.

+ Chưa hỗ trợ 1,0 mức lương cơ sở hàng tháng cho Phó Chỉ trưởng quân sự cấp xã.

+ Chưa bảo đảm kinh phí chi trả ngày công lao động cho lực lượng Dân quân thường trực chưa đúng theo Luật DQTV quy định, do đó việc xây dựng Dân quân thường trực chưa huấn luyện, hoạt động thường xuyên theo quy định của Bộ

CHQS tỉnh, Quân khu và Bộ Quốc phòng; chủ yếu điều động trong các ngày trực sẵn sàng chiến đấu cao điểm (*Quy định 5.400.000đ/người/tháng, Dân quân thường trực 24/24 trực tại trụ sở UBND xã*).

+ Hỗ trợ chi trả ngày công lao động cho lực lượng DQTV tham gia nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra và làm nhiệm vụ khác một số xã chưa đúng theo Luật (*chỉ bảo đảm từ 30.000đ-70.000đ/người/ngày; quy định 119.200đ, hỗ trợ tiền ăn 65.000đ/người/ngày*).

+ Chưa mua sắm công cụ hỗ trợ cho DQTV thực hiện theo Thông tư số 65/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng; khi có tình huống xảy ra rất khó hoàn thành nhiệm vụ.

## **Phần 2**

### **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN**

#### **I. QUAN ĐIỂM**

- Tổ chức triển khai và quán triệt trong hệ thống chính trị ở cơ sở và tuyên truyền sâu rộng trong Nhân dân về ý thức trách nhiệm trong việc tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nhằm tạo nguồn cán bộ cho cơ sở, đồng thời sẵn sàng bổ sung cho bộ đội địa phương khi cần thiết.

- Nêu cao vai trò trách nhiệm của các tổ chức chính trị xã hội và Nhân dân trong việc xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ đủ số lượng, chất lượng chính trị theo quy định của Luật Dân quân tự vệ năm 2019.

- Duy trì các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an và các ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội ở cơ sở tổ chức hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kịp thời xử lý các tình huống xảy ra.

- Hàng năm, tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, hội thi, hội thao, diễn tập đúng, đủ nội dung theo chương trình, thời gian quy định. Gương mẫu tham gia và làm nòng cốt trong các phong trào, thực hiện tốt công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và lao động giúp dân,...

#### **II. MỤC TIÊU**

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền và vai trò làm tham mưu của cơ quan quân sự các cấp đối với việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

- Trong xây dựng, phải bảo đảm về số lượng, chú trọng việc nâng cao chất lượng sát thực tế địa phương, bảo đảm độ tin cậy về chính trị là lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng và tài sản của Nhân dân, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị ở cơ sở trong khu vực phòng thủ của huyện.

- Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ có số lượng hợp lý, chất lượng tổng hợp ngày càng cao theo phương châm “Vững mạnh, rộng khắp”, lấy việc xây dựng chất lượng chính trị làm chính bảo đảm đủ điều kiện hoàn thành nhiệm vụ được giao,

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH**

Trên địa bàn huyện Thuận Nam điều chỉnh các nội dung gồm: Nghĩa vụ tham gia DQTV; tổ chức biên chế DQTV, số lượng Phó chỉ huy trưởng quân sự xã, Dân quân thường trực cấp xã trọng điểm về quốc phòng; mức hưởng chế độ phụ cấp các chức vụ chỉ huy DQTV; định mức bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV khi thực hiện nhiệm vụ; công cụ hỗ trợ của DQTV. Các nội dung còn lại thực hiện theo quy định của Luật DQTV và Đề án của UBND tỉnh.

#### **Phần 3 NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

### **I. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ NGUỒN, TUYỂN CHỌN LỰC LƯỢNG DQTV, TỔ CHỨC LUÂN PHIÊN LỰC LƯỢNG DQTV**

#### **1. Tổ chức đăng ký, quản lý công dân**

##### **a) Đăng ký**

- Đăng ký công dân trong độ tuổi thực hiện Luật DQTV là nội dung trước tiên của công tác xây dựng lực lượng DQTV, là điều kiện để tuyển chọn công dân có chất lượng để kết nạp vào lực lượng DQTV trong thời bình và mở rộng quy mô lực lượng khi chuyển sang thời chiến. Trách nhiệm đăng ký là UBND cấp xã; trước khi đăng ký phải tổ chức tập huấn cho các thành phần tham gia đăng ký, thời điểm đăng ký vào tháng 4 hàng năm, địa điểm đăng ký tại các thôn hoặc cụm dân cư.

- Đối tượng đăng ký là nam công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi; nếu tình nguyện tham gia DQTV thì có thể kéo dài đến 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ; sau đăng ký UBND xã tiến hành xét duyệt công dân đủ điều kiện kết nạp vào lực lượng DQTV, công dân đủ điều kiện sẵn sàng mở rộng khi có tình huống về quốc phòng, tổng hợp kết quả đăng ký báo cáo cấp trên vào tháng 4 hàng năm.

##### **b) Quản lý công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV**

Đối tượng quản lý bao gồm: DQTV trong độ tuổi; DQTV đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV; đã hoàn thành nghĩa vụ DQTV còn trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV; quân nhân dự bị chưa sắp xếp vào các đơn vị dự bị động viên.

#### **2. Tổ chức luân phiên lực lượng DQTV**

Thực hiện luân phiên là yêu cầu cần thiết, với mục đích thực hiện quân sự hóa toàn dân, đảm bảo tính công bằng xã hội, cung cấp nguồn cho lực lượng vũ trang khi có tình huống, hoặc chiến tranh xảy ra. Ban CHQS cấp xã phải lập kế hoạch trình Ban CHQS cấp huyện phê duyệt, tổ chức luân phiên theo tỷ lệ 25% so

với tổng số DQTV, cho ra lực lượng DQTV đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định.

## II. TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ DQTV

### 1. Tổ chức biên chế DQTV

Tổ chức biên chế lực lượng DQTV bộ binh, binh chủng ở từng cấp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và quy định của Bộ CHQS tỉnh, cụ thể:

#### a) Đối với cấp huyện

- Lực lượng cơ động: xây dựng 01 trung đội dân quân cơ động (khi tình hình địa bàn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng 02 trung đội), lực lượng lấy ở địa bàn các xã gần Ban CHQS huyện và trung tâm hành chính cấp huyện để tiện huy động làm nhiệm vụ khi cần thiết.

- Lực lượng Pháo binh : Xây dựng 02 trung đội Cối 82<sup>mm</sup> , 02 trung đội ĐKZ82<sup>mm</sup>.

- Lực lượng phòng không: Xây dựng 02 trung đội SMPK 12,7<sup>mm</sup>.

b) Đối với cấp xã: Quy mô tổ chức chủ yếu cấp trung đội, tiểu đội và tổ; cụ thể như sau:

- Lực lượng dân quân cơ động: Tổ chức 01 trung đội;

- Lực lượng dân quân thường trực: Cấp xã trọng điểm về quốc phòng xây dựng 01 tiểu đội (*không lấy trong trung đội dân quân cơ động của cấp xã*).

- DQ binh chủng: Thông tin, công binh, phòng hoá, trinh sát, y tế xây dựng từ 01-02 tổ đến 01 tiểu đội.

- Lực lượng Cối 60<sup>mm</sup>: Xây dựng từ 01-02 khẩu đội ở cấp xã trọng điểm về quốc phòng.

- Các xã ven biển: Xây dựng lực lượng dân quân biển ở cả 3 tuyến bờ, lộng, khơi, quy mô xây dựng từ 01-02 tiểu đội hoặc 01 trung đội.

c) Thôn: Tổ chức từ 01-03 tổ hoặc tiểu đội, trung đội.

d) Đối với Cơ quan, tổ chức

Thực hiện theo Điều 17 Luật DQTV, xây dựng theo sự chỉ đạo của Bộ CHQS tỉnh, lấy đơn vị công tác, sản xuất để tổ chức lực lượng tự vệ; quy mô tổ chức là tiểu đội, trung đội chiến đấu tại chỗ; có thể tổ chức một số đơn vị binh chủng, quy mô tiểu đội, khẩu đội, trung đội (không tổ chức xây dựng tổ tự vệ).

### 2. Số lượng DQTV toàn huyện

Tổng số DQTV: 941đ/c; trong đó dân quân 807đ/c; tự vệ 134đ/c; quy mô: cấp huyện: 01 trung đội dân quân cơ động, 02 trung đội Cối 82<sup>mm</sup>, 02 trung đội ĐKZ82<sup>mm</sup>, 02 trung đội SMPK12,7<sup>mm</sup>; cấp xã, các đơn vị tự vệ: 10 trung đội, 33 tiểu đội, 03 khẩu đội, 61 tổ.



### 3. Chất lượng DQTV

Từng bước nâng tỷ lệ đảng viên trong DQTV toàn huyện đến năm 2025 đạt 25% trở lên, trong đó tỷ lệ đảng viên trong dân quân đạt 18% trở lên, tỷ lệ đảng viên trong tự vệ đạt 40% trở lên; 100% xã có chi bộ quân sự; trong đó 87,5% trở lên chi bộ có cấp uỷ; tiểu đội trưởng Dân quân thường trực là đảng viên, trung đội Dân quân cơ động có tổ đảng.

Để góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, hàng năm các cơ sở có kế hoạch phát triển từ 1 đến 2 đảng viên ở mỗi chi bộ quân sự. Tỷ lệ đoàn viên đạt trên 65% trở lên; 100% các trung đội dân quân cơ động hoàn thành nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống; 100% Ban CHQS các xã, cơ quan, tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### 4. Ban CHQS cấp xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức, cán bộ DQTV

#### a) Ban CHQS cấp xã

Tổng số 08 Ban CHQS cấp xã; thường xuyên bổ sung, kiện toàn từ 04 đến 05 đồng chí gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó (*đơn vị hành chính cấp xã loại 1, xã ven biển và cấp xã trọng điểm về quốc phòng bố trí không quá 02 Phó chỉ huy trưởng*).

- Chỉ huy trưởng là công chức, ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã; 100% là cấp uỷ viên tổ chức đảng cùng cấp;

- Chính trị viên do Bí thư Đảng uỷ xã đảm nhiệm;

- Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã đảm nhiệm;

- Phó chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

#### b) Ban CHQS cơ quan, tổ chức cơ sở

- Tổng số 01 Ban chỉ huy cơ quan, tổ chức; thường xuyên bổ sung kiện toàn đủ 04 đồng chí, chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm;

- Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; chính trị viên do Bí thư cấp uỷ Đảng của cơ quan đảm nhiệm, Chính trị viên phó do Bí thư cơ sở đoàn hoặc Phó Bí thư cấp uỷ Đảng của cơ quan đảm nhiệm, Phó chỉ huy trưởng là cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

#### c) Cán bộ quản lý, chỉ huy DQTV

Cán bộ phân đội DQTV được bố trí tương ứng với đơn vị phân đội DQTV từ tiểu đội đến trung đội gồm:

- Tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng, trung đội trưởng, thôn đội trưởng;

Khi bổ nhiệm cán bộ phân đội phải tuyển chọn những người có đủ tiêu chuẩn về sức khỏe, chính trị, trình độ, năng lực đủ khả năng chỉ huy đơn vị DQTV hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### III. ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN, HỘI THI, HỘI THAO, DIỄN TẬP

#### 1. Đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học quân sự cơ sở

a) Đào tạo: Để từng bước nâng cao năng lực, trình độ cán bộ quân sự xã thực hiện Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt đề án đào tạo cán bộ quân sự cấp xã trình độ Cao đẳng, Đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Hàng năm tuyển chọn cán bộ cử đi đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở cho cán bộ Ban CHQS cấp xã tại Trường quân sự Quân khu. Tuyển chọn 10 đến 15% cán bộ đã qua đào tạo trung cấp, cao đẳng ngành quân sự cơ sở, đi đào tạo liên thông cao đẳng, đại học hệ vừa làm vừa học tại Trường quân sự Quân khu 5 và tuyển sinh đào tạo cao đẳng, đại học chính quy tại trường Sĩ quan Lục quân 2 theo chỉ tiêu được giao (*nguồn kinh phí do Bộ Quốc phòng bảo đảm*).

b) Tuyển chọn theo nhu cầu

- Chiêu sinh cán bộ đang giữ chức vụ Chỉ huy phó quân sự cấp xã (số chưa qua đào tạo) hoặc cán bộ đang giữ các cương vị khác trong tổ chức chính trị xã hội ở cấp xã trong quy hoạch cán bộ quân sự địa phương. Ưu tiên tuyển chọn quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự là đảng viên giữ chức Tiểu đội trưởng (khẩu đội trưởng) trước khi xuất ngũ, cán bộ phân đội dân quân, song phải nguồn trong quy hoạch cán bộ quân sự cơ sở;

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và trình độ năng lực công tác; có sức khỏe và khả năng tiếp thu kiến thức học tập;

- Có độ tuổi không quá 30 tuổi;

- Trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học phổ thông.

c) Bố trí sắp xếp sau đào tạo

- Theo nhu cầu cán bộ quân sự ở cơ sở;

- Theo kết quả đào tạo;

- Bố trí đúng người, đúng việc, đúng chuyên ngành được đào tạo; không bố trí cán bộ chưa qua đào tạo chuyên ngành quân sự giữ chức vụ Phó chỉ huy trưởng hoặc Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã (trường hợp đặc biệt phải có ý kiến của thường trực huyện ủy, UBND huyện và Ban CHQS huyện).

#### 2. Tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao

Theo phân cấp hàng năm, trước khi bước vào huấn luyện cấp huyện, tổ chức tập huấn cho cán bộ DQTV theo đúng đối tượng, đảm bảo đủ nội dung, thời gian theo Thông tư 69/2020/TT-BQP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ Quốc phòng sát với yêu cầu thực tế ở địa phương cụ thể.

a) Cấp huyện

- Tập huấn: Đối tượng thành phần; Thôn đội trưởng, cán bộ từ tiểu đội đến trung đội các đơn vị DQTV (trừ các thành phần do tỉnh quản lý); khẩu đội

trường SMPK 12,7<sup>mm</sup>, ĐKZ82<sup>mm</sup>, Cối 82<sup>mm</sup>, Cối 60<sup>mm</sup>. Nội dung theo quy định của Bộ Quốc phòng và chỉ thị về công tác DQTV hàng năm của Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Ninh Thuận. Thời gian 05 ngày/năm. Địa điểm tại Ban CHQS huyện, hoặc cụm xã do Ban CHQS cấp huyện xác định.

- Huấn luyện

+ Quân số, thời gian huấn luyện cho các đối tượng.

- Dân quân năm thứ nhất: Huấn luyện 100% quân số, thời gian 15 ngày;

- Dân quân tự vệ năm thứ hai trở đi; dân quân cơ động, DQTV biển: Huấn luyện 100% quân số, thời gian 12 ngày. DQTV phòng không, pháo binh, công binh, hóa học, thông tin, trinh sát, y tế: Huấn luyện từ 80% quân số trở lên, thời gian 12 ngày;

- DQTV tại chỗ: Huấn luyện 70% quân số trở lên, thời gian từ 07 ngày;

- Dân quân thường trực: Huấn luyện 100% quân số, thời gian 60 ngày.

- Hội thi, hội thao: Hội thao dân quân tự vệ.

b) Cấp xã

- Huấn luyện: Dân quân cơ động 100% quân số, thời gian 12 ngày. Huấn luyện DQTV tại chỗ 70% quân số trở lên, thời gian từ 07 ngày;

- Hội thi, hội thao: Hội thao dân quân tự vệ.

- Diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ: Mỗi năm diễn tập từ 02 – 03 xã, đến năm 2024, 100% cấp xã phải diễn tập xong. Ngoài ra tham gia diễn tập do cấp trên tổ chức; diễn tập phòng chống thiên tai, dịch họa theo quyết định UBND huyện.

d) Cơ quan, tổ chức

Huấn luyện đơn vị tự vệ thuộc quyền quản lý; tham gia hội thi, hội thao, diễn tập và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định của cấp trên.

#### **IV. HOẠT ĐỘNG CỦA DQTV**

Mọi hoạt động của lực lượng DQTV thực hiện theo điều 29, 30, 31 của Luật số 48/2019/QH14; Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 quy định về hoạt động phối hợp của DQTV; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 quy định chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch về DQTV tập trung vào các nội dung hoạt động cơ bản đó là:

1. *Hoạt động sẵn sàng chiến đấu:* Duy trì và thực hiện chế độ hoạt động sẵn sàng chiến đấu của DQTV. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch về DQTV. Làm nòng cốt xây dựng thôn, xã chiến đấu; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, khu vực phòng thủ, nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ở địa phương. Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và các hoạt động khác.

2. *Hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu*: Mở rộng lực lượng DQTV theo quyết định cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 5, khoản 6 điều 11 của Thông tư số 77/2020/TT-BQP và Quyết định mở rộng lực lượng DQTV của Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh. Bảo vệ phòng tránh, sơ tán của cơ quan, tổ chức, nhân dân và mục tiêu được giao. Đánh địch bảo vệ thôn, xã, cơ quan, tổ chức trong khu vực phòng thủ. Phục vụ chiến đấu trong khu vực phòng thủ. Tham gia đấu tranh chính trị, xây dựng, củng cố thôn, xã, cơ quan, tổ chức bám trụ chiến đấu.

3. *Hoạt động phối hợp*: DQTV phối hợp với lực lượng chức năng trong các hoạt động: Bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam. Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Tuyên truyền vận động Nhân dân xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; thực hiện chính sách xã hội. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và hoạt động phòng thủ dân sự khác.

## **V. BẢO ĐẢM SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG CHO DQTV**

### **1. Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng**

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/2/2020 của Bộ Quốc phòng.

### **2. Công cụ hỗ trợ, trang bị, phương tiện**

Đối tượng được trang bị: Dân quân cơ động, dân quân thường trực, dân quân tự vệ tại chỗ; được trang bị áo giáp, mũ bảo hộ, dùi cui, roi điện, lá chắn... các công cụ hỗ trợ được quản lý chặt chẽ để trong tủ riêng, khi sử dụng phải được sự nhất trí của cấp trên trực tiếp.

### **3. Bảo đảm cơ sở, vật chất**

- Tiêu chuẩn, định mức cơ bản trang thiết bị làm việc của Ban CHQS cấp xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Hằng ngày, Ban CHQS xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức, đơn vị dân quân thường trực được cấp 01 số Báo Quân đội nhân dân.

## **VI. BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH DQTV**

Việc bảo đảm chế độ, chính sách cho LL DQTV thực hiện theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện và bảo đảm chế độ chính sách cho DQTV trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

**Phần 4**  
**NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG,  
 HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH  
 DQTV GIAI ĐOẠN 2023- 2025**

**I. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1. Nguồn kinh phí, ngân sách để thực hiện Đề án**

- Kinh phí, ngân sách nhà nước đảm bảo cho hoạt động của DQTV được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cấp ngân sách trên địa bàn huyện. Nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách theo quy định của Chính phủ, Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp huyện về phân định nhiệm vụ thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025.

- Ngân sách của các cơ quan, tổ chức, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội (các cơ quan, đơn vị có xây dựng lực lượng Tự vệ), ủng hộ của các tổ chức, cá nhân cho công tác xây dựng lực lượng DQTV.

- Nguồn thu hợp pháp khác.

**2. Dự kiến tổng mức kinh phí:**

Dự kiến tổng mức kinh phí: Bảo đảm thực hiện Nghị quyết trong năm (từ 2023-2025) là 20.886.212.544 đồng (*Hai mươi tỉ, tám trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm mười hai ngàn, năm trăm bốn mươi bốn đồng*), trong đó:

- Ngân sách cấp huyện là: 14.498.679.744 đồng.

- Ngân sách cấp xã là: 6.387.532.800 đồng.

**II. PHÂN CẤP NGÂN SÁCH BẢO ĐẢM**

**1. Ngân sách của huyện bảo đảm ngân sách chi cho thực hiện các chế độ**

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý chỉ huy đơn vị DQTV.

- Chế độ phụ cấp thâm niên;

- Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự;

- Chế độ cho lực lượng dân quân thường trực.

- Chế độ cho lực lượng dân quân khi Ban CHQS huyện huy động để thực hiện nhiệm vụ tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao; trực SSCĐ, phòng chống thiên tai dịch họa theo phân cấp.

- Chế độ cho lực lượng dân quân bị ốm đau, tai nạn, bị chết, bị thương hoặc hy sinh trong khi huấn luyện, hoạt động.

**2. Ngân sách các xã bảo đảm**

Bảo đảm chế độ cho lực lượng dân quân thực hiện nhiệm vụ huấn luyện theo phân cấp, SSCĐ, tuần tra truy quét, phòng chống bão lụt, thiên tai, dịch họa theo phân cấp.

**3. Việc lập, sử dụng và thanh, quyết toán**

Ngân sách quản lý, sử dụng, thanh quyết toán chi cho lực lượng DQTV thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**4. Nguồn kinh phí thực hiện:** Hàng năm căn cứ vào khả năng ngân sách của địa phương và hỗ trợ của UBND tỉnh, UBND huyện quyết định phân bổ nguồn kinh phí thực hiện phù hợp, theo quy định./.

**CHỦ TỊCH**



## DỰ TOÁN

### Ngân sách bảo đảm cho Đề án Tổ chức hoạt động, huấn luyện, chế độ chính sách đối với DQTV trên địa bàn huyện giai đoạn năm 2023-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Nam)

TT	Nội dung	Quân số	Mức trợ cấp/ngày	Số ngày, tháng	Ngân sách chi cho các năm								
					2023		2024		2025		Cộng		Tổng
					Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>4.832.893.248</b>	<b>2.129.177.600</b>	<b>4.832.893.248</b>	<b>2.129.177.600</b>	<b>4.832.893.248</b>	<b>2.129.177.600</b>	<b>14.498.679.744</b>	<b>6.387.532.800</b>	<b>20.886.212.544</b>
<b>I</b>	<b>Chi cho công tác tập huấn cán bộ (hỗ trợ ngày công lao động 119.200đ/người/ngày, hỗ trợ tiền ăn 65.000đ)</b>				<b>96.705.000</b>		<b>96.705.000</b>		<b>96.705.000</b>		<b>290.115.000</b>		<b>290.115.000</b>
1	Cán bộ trung đội	53	184.200	5	48.813.000		48.813.000		48.813.000		146.439.000		146.439.000
2	Cán bộ tiểu đội, khẩu đội	52	184.200	5	47.892.000		47.892.000		47.892.000		143.676.000		143.676.000
<b>II</b>	<b>Chi trợ cấp ngày công lao động trong thời gian tập trung huấn luyện chiến sĩ DQTV (hỗ trợ ngày công lao động 119.200đ/người/ngày+ tiền ăn 65.000đ) (dân quân biển 178.800đ+ tiền ăn 65.000đ)</b>				<b>339.168.000</b>	<b>1.315.521.600</b>	<b>339.168.000</b>	<b>1.315.521.600</b>	<b>339.168.000</b>	<b>1.315.521.600</b>	<b>1.017.504.000</b>	<b>3.946.564.800</b>	<b>4.964.068.800</b>
1	DQ mới kết nạp	190	184.200	15		516.420.000		516.420.000		516.420.000		1.549.260.000	1.549.260.000
2	DQ tại chỗ	158	184.200	7		200.407.200		200.407.200		200.407.200		601.221.600	601.221.600
3	DQ cơ động	28	184.200	12	61.891.200		61.891.200		61.891.200		185.673.600	0	185.673.600
		161	184.200	12		355.874.400		355.874.400		355.874.400	0	1.067.623.200	1.067.623.200
4	DQ Bình chủng	95	184.200	12	209.988.000		209.988.000		209.988.000		629.964.000	0	629.964.000
		90	184.200	12		198.936.000		198.936.000		198.936.000	0	596.808.000	596.808.000

TT	Nội dung	Quân số	Mức trợ cấp/ngày	Số ngày, tháng	Ngân sách chi cho các năm								
					2023		2024		2025		Cộng		Tổng
					Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	
5	DQ biển	23	243.800	12	67.288.800		67.288.800		67.288.800		201.866.400	0	201.866.400
		15	243.800	12		43.884.000		43.884.000		43.884.000	0	131.652.000	131.652.000
<b>III</b>	<b>Hội thi hội thao</b>				<b>50.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	<b>150.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>210.000.000</b>
-	Chi cho HT, HTDQTV				50.000.000	20.000.000	50.000.000	20.000.000	50.000.000	20.000.000	150.000.000	60.000.000	210.000.000
<b>IV</b>	<b>Chi thực hiện chế độ chính sách cho lực lượng DQTV</b>				<b>3.547.400.400</b>	<b>0</b>	<b>3.547.400.400</b>	<b>0</b>	<b>3.547.400.400</b>	<b>0</b>	<b>10.642.201.200</b>		<b>10.642.201.200</b>
1	Chi cho Dân quân Thường trực (4 xã trọng điểm QP)				2.568.322.800	0	2.568.322.800	0	2.568.322.800	0	7.704.968.400		7.704.968.400
-	Chi trả ngày công, tiền ăn	36	184.200	365	2.420.388.000		2.420.388.000		2.420.388.000		7.261.164.000		7.261.164.000
-	Cứ mỗi năm phục vụ được trợ cấp	36	2.980.000	Năm	107.280.000		107.280.000		107.280.000		321.840.000		321.840.000
-	Mức hưởng chế độ chính sách BHXH, BHYT	36	1.129.300	Năm	40.654.800		40.654.800		40.654.800		121.964.400		121.964.400
2	Phụ cấp chức vụ chỉ huy DQTV				431.980.800	0	431.980.800	0	431.980.800	0	1.295.942.400		1.295.942.400
-	CHT, CTV Ban CHQS xã, CQ,TC	18	357.600	12	77.241.600		77.241.600		77.241.600		231.724.800		231.724.800
-	PCHT, CTVP Ban CHQS xã, CQ,TC	22	327.800	12	86.539.200		86.539.200		86.539.200		259.617.600		259.617.600
-	Trung đội trưởng DQCD	9	298.000	12	32.184.000		32.184.000		32.184.000		96.552.000		96.552.000
-	Trung đội trưởng DQBC, dân quân biển	7	178.800	12	15.019.200		15.019.200		15.019.200		45.057.600		45.057.600
-	Thôn đội trưởng	37	208.600	12	92.618.400		92.618.400		92.618.400		277.855.200		277.855.200
	Tiểu đội trưởng DQTT	4	178.800	12	8.582.400		8.582.400		8.582.400		25.747.200		25.747.200
-	Tiểu đội trưởng, KĐT	67	149.000	12	119.796.000		119.796.000		119.796.000		359.388.000		359.388.000
3	Phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng				330.780.000	0	330.780.000	0	330.780.000	0	992.340.000		992.340.000
-	Thôn đội trưởng	37	745.000	12	330.780.000		330.780.000		330.780.000		992.340.000		992.340.000
4	Chế độ phụ cấp đặc thù QP, QS				167.356.800	0	167.356.800	0	167.356.800	0	502.070.400		502.070.400
-	Phó CHT QS xã	12	908.900	12	130.881.600		130.881.600		130.881.600		392.644.800		392.644.800



TT	Nội dung	Quân số	Mức trợ cấp/ngày	Số ngày, tháng	Ngân sách chi cho các năm								
					2023		2024		2025		Cộng		Tổng
					Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	
-	Trung đội trưởng DQCD	9	74.500	12	8.046.000		8.046.000		8.046.000		24.138.000		24.138.000
-	Tiểu đội trưởng DQTT	4	89.400	12	4.291.200		4.291.200		4.291.200		12.873.600		12.873.600
-	Tiểu đội trưởng DQCD	27	74.500	12	24.138.000		24.138.000		24.138.000		72.414.000		72.414.000
5	Chế độ phụ cấp thâm niên				48.960.000	0	48.960.000	0	48.960.000	0	146.880.000		146.880.000
-	CHT	8	200.000	12	19.200.000		19.200.000		19.200.000		57.600.000		57.600.000
-	Chính trị viên	4	300.000	12	14.400.000		14.400.000		14.400.000		43.200.000		43.200.000
-	Phó CHT QS xã	4	120.000	12	5.760.000		5.760.000		5.760.000		17.280.000		17.280.000
-	Chính trị viên phó	4	200.000	12	9.600.000		9.600.000		9.600.000		28.800.000		28.800.000
V	<b>Chi trực SSCĐ (4 xã không phải trọng điểm quốc phòng)</b>	12	181.200	365		793.656.000		793.656.000		793.656.000		2.380.968.000	2.380.968.000
VI	<b>Huấn luyện nhân lực tàu thuyền theo Nghị định 30, 130</b>				799.619.848	0	799.619.848	0	799.619.848	0	2.398.859.544		2.398.859.544
1	Trợ cấp cho ngày công huấn luyện				530.485.848	0	530.485.848	0	530.485.848	0	1.591.457.544	0	1.591.457.544
-	Ngư dân, dân quân biển: 293 người x 447.000đ/người/ngày x 4 ngày	293	447.000	4	523.884.000		523.884.000		523.884.000		1.571.652.000		1.571.652.000
-	Cán bộ Biên phòng: 12đ/c = 1.650.462đ/ngày x 4 ngày				6.601.848		6.601.848		6.601.848		19.805.544		19.805.544
2	Trợ cấp thêm cho thuyền trưởng, máy trưởng				72.414.000		72.414.000		72.414.000		217.242.000		217.242.000
-	Thuyền trưởng: 27 người x 447.000đ/người/ngày x 4 ngày	27	447.000	4	48.276.000		48.276.000		48.276.000		144.828.000		144.828.000
-	Máy trưởng: 27 người x 223.500đ/người/ngày x 4 ngày	27	223.500	4	24.138.000		24.138.000		24.138.000		72.414.000		72.414.000
3	Bảo đảm tiền ăn: 305 người x 149.000 x 4 ngày	305	149.000	4	181.780.000		181.780.000		181.780.000		545.340.000		545.340.000
4	Bảo đảm khác				14.940.000		14.940.000		14.940.000		44.820.000		44.820.000

TT	Nội dung	Quân số	Mức trợ cấp/ngày	Số ngày, tháng	Ngân sách chi cho các năm								
					2023		2024		2025		Cộng		Tổng
					Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	Huyện	Xã	
-	Thuê địa điểm huấn luyện: 600.000đ/ngày x 4 ngày				2.400.000		2.400.000		2.400.000		7.200.000		<b>7.200.000</b>
-	Trang trí, âm thanh, ánh sáng...				4.000.000		4.000.000		4.000.000		12.000.000		<b>12.000.000</b>
-	Thuê ghế ngồi: 305 chiếc x 5.000đ/ngày x 4 ngày				6.100.000		6.100.000		6.100.000		18.300.000		<b>18.300.000</b>
-	Nước uống: 305 người x 2.000đ/người/ngày x 4 ngày				2.440.000		2.440.000		2.440.000		7.320.000		<b>7.320.000</b>